

**BIỂU MẪU CUNG CẤP THÔNG TIN GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG
VÀ NHU CẦU MUA BÁN**

Mẫu 01

**GIÁ CÁC MẶT HÀNG NÔNG SẢN - VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP - CÂY, CON
GIỐNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ THẠCH THẤT THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Ngày 22 tháng 05 năm 2026

(ĐVT: đ/kg)

TT	Mặt hàng và quy cách	Loại	Giá tại chợ Sân	Ghi chú
I	CÁC MẶT HÀNG NÔNG SẢN TẠI CHỢ			Giá bán lẻ
1.	Gạo ST25	Loại 1	25.000	
2.	Gạo bắc thơm 7	Loại 1	18.000	
3.	Lúa bắc thơm	Loại 1	13.000	
4.	Gạo bắc thơm	Loại 1	19.000	
5.	Gạo J02	Loại 1	25.000	
6.	Lúa BC15	Loại 1	13.000	
7.	Gạo BC15	Loại 1	18.000	
8.	Gạo tám Thái	Loại 1	23.000	
9.	Gạo nếp cái hoa vàng	Loại 1	50.000	
10.	Gạo nếp cẩm	Loại 1	35.000	
11.	Lúa nếp 97	Loại 1	25.000	
12.	Gạo nếp 97	Loại 1	30.000	
13.	Đậu tương	Loại 1	25.000	
14.	Đậu xanh có vỏ	Loại 1	55.000	
15.	Lạc nhân	Loại 1	70.000	
16.	Đậu đen	Loại 1	70.000	
17.	Ngô hạt	Loại 1	19.000	
II	GIÁ CÁC MẶT HÀNG VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP			Giá bán lẻ
1.	Đạm phú mỹ	Loại 1	18.000	
2.	Đạm vàng	Loại 1	19.000	
3.	Đạm hạt xanh	Loại 1	19.000	
4.	Lân	Loại 1	12.000	
5.	Kali	Loại 1	17.000	
6.	NPK	Loại 1	18.000-20000	
7.	NPK 13-13-13	Loại 1	20.000	
8.	NPK 12-5-10	Loại 1	16.500	
9.	NPK5-10-3	Loại 1	12.000	
10.	Vi sinh hữu cơ	Loại 1	10.000	
11.	Phân bón lá	Loại 1	20.000	
12.	Phân bón hoa cây cảnh	Loại 1	35.000	
III	GIÁ CÁC MẶT HÀNG CÂY , CON GIỐNG			Giá bán lẻ
	Lúa giống			



TT	Mặt hàng và quy cách	Loại	Giá tại chợ Sân	Ghi chú
	Giống BC15		45.000	
	TBR225		45.000	
	Các giống thơm		43.000-45.000	
	DT25		40.000	
	Dự Hương 8		45.000	
	ST25		50.000	
	Nếp		45.000	
	Nếp 9603		40.000	
1	Hạt bí gói 20g	Loại 1	8.000	
2	Hạt cải gói 5g	Loại 1	5.000	
3	Hạt rền đỏ	Loại 1	10.000	
4	Hạt rau muống	Loại 1	10.000	
5	Hạt đậu bắp	Loại 1	6.000	
6	Hạt cải củ	Loại 1	15.000	
7	Hạt cải ngồng	Loại 1	10.000	
8	Hạt cải bẹ	Loại 1	6.000	
9	Hạt cải bó xôi	Loại 1	15.000	
10	Hạt cải mơn	Loại 1	5.000	
11	Hạt đậu trạch	Loại 1	20.000	
12	Hạt dưa chuột gói 2g	Loại 1	15.000	
13	Hạt mướp 5g	Loại 1	20.000	
14	Hạt dưa bở 5g	Loại 1	15.000	
15	Hạt đậu đũa 10g	Loại 1	20.000	
16	Hạt dưa chuột	Loại 1	10.000	
	Giống cây ăn quả			Giá bán lẻ
1.	Cây mít thái	Loại 1	80.000	
2.	Cây Xoài (Cát, Đài Loan,...)	Loại 1	80.000	
3.	Cây Na Thái	Loại 1	50.000	
4.	Cây nhãn	Loại 1	150.000	
5.	Cây bưởi Diễn	Loại 1	80.000	
6.	Cây bưởi da xanh	Loại 1	80.000	
7.	Cây ổi Đài Loan	Loại 1	50.000	
8.	Cây chanh tứ quý, không hạt	Loại 1	150.000	
9.	Vú sữa Míka	Loại 1	180.000	
10.	Na hạt	Loại 1	120.000	
11.	Hồng Xiêm	Loại 1	120.000	
12.	Táo	Loại 1	50.000	
13.	Đu đủ	Loại 1	5.000	
14.	Chanh tứ quý	Loại 1	150.000	
15.	Chó giống (con)/5kg	Loại 1	450.000	
16.	Mèo giống (con)	Loại 1	150.000	
17.	Lợn giống	Loại 1		

TT	Mặt hàng và quy cách	Loại	Giá tại chợ Săn	Ghi chú
18.	Lợn siêu nạc (con) /10kg	Loại 1	1.600.000-1.800.000	
19.	Vịt giống	Loại 1		
20.	Bầu	Loại 1	20.000	
	Vịt trắng	Loại 1	20.000	
21.	Ngan giống các loại	Loại 1		
22.	Trắng	Loại 1	35.000	
23.	Đen	Loại 1	30.000	
24.	Ngỗng	Loại 1	100.000	
25.	Gà giống các loại	Loại 1		
26.	Con úm 7 ngày	Loại 1	14.000	
27.	Con úm sau 10 ngày	Loại 1	17.000	
28.	Con sau 20 ngày tuổi (700g)	Loại 1	60.000	
IV	GIÁ THỰC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN			
1.	Cám cá các loại	Loại 1	90.000	
2.	Cám mè	Loại 1	70.000	
3.	Ngô bột	Loại 1	82.000	
4.	Ngô vỡ	Loại 1	80.000	
5.	Cám viên	Loại 1	10.000	
6.	Cám gạo	Loại 1	30.000	
7.	Cám vịt các loại	Loại 1	90.000	

Người thu thập
(Ký, ghi rõ họ tên)



Cán Thị Hồng Hiên

TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP
KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vương Thị Chung

Mẫu 02
GIÁ CÁC MẶT HÀNG THỰC PHẨM
TẠI CHỢ SẴN- XÃ THẠCH THẮT- THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Ngày 22 tháng 05 năm 2026

(ĐVT: đ/kg)

TT	Mặt hàng và quy cách	Loại	Giá tại chợ Sẵn- Thạch Thắt	Ghi chú
1	Thịt lợn hơi	Loại 1	100.000	Giá bán lẻ
2	Thịt lợn mông sẵn	Loại 1	150.000	
3	Thịt lợn nạc thăn	Loại 1	150.000	
4	Thịt lợn ba chỉ	Loại 1	150.000	
5	Xương sườn	Loại 1	160.000	
5	Thịt bò thăn	Loại 1	320.000	
6	Thịt bò mông	Loại 1	320.000	
7	Gà ta hơi	Loại 1	140.000	Gà trống
8	Gà ta nguyên con làm sẵn	Loại 1	400.000	
9	Gà công nghiệp hơi	Loại 1	80.000	
10	Gà CN nguyên con làm sẵn	Loại 1	160.000	
11	Vịt hơi	Loại 1	80.000	
12	Vịt nguyên con làm sẵn	Loại 1	250.000	
13	Ngan hơi	Loại 1	100.000	
14	Ngan nguyên con làm sẵn (>2kg/ con)	Loại 1	300.000	
15	Trứng gà các loại (trứng gà Ai cập, trứng gà ta,)	Loại 1	2.700	
	Gà tam hoàng (quả)	Loại 1	3500	
	Gà đỏ (quả)	Loại 1	3000	

TT	Mặt hàng và quy cách	Loại	Giá tại chợ Sân- Thạch Thất	Ghi chú
	Gà ta (quả)	Loại 1	6.000	
16	Trứng vịt (quả)	Loại 1	3.000	
17	Trứng chim cút (10 quả)	Loại 1	6.000	
18	Cá trắm trắng	Loại 1	85.000	
19	Cá chép	Loại 1	70.000	
20	Cá trắm đen	Loại 1	100.000	
21	Rô phi	Loại 1	60.000	
22	Tôm	Loại 1	500.000	
	Tôm nhỏ	Loại 1	300.000	
23	Cua	Loại 1	270.000	
24	Mực	Loại 1	350.000	
25	Bạch tuộc	Loại 1	350.000	

Người thu thập
(Ký, ghi rõ họ tên)



Cấn Thị Hồng Hiên

TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vương Thị Chung